

Bản án số: 54/2023/DS- ST
Ngày 31/8/2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Lợi Niê
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Tha Mlô, bà Trần Thị Thanh Thẩm
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng Kh (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh ĐL.

*** Bị đơn:** Ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã EK, huyện CM, tỉnh ĐL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Kh trình bày:***

Vào năm 2014 cửa hàng của tôi có bán cho ông M, bà H số nguyên vật liệu như: Gạch, men, sơn, ngói lợp để sử dụng cho công trình nhà ở của ông bà và họ có hẹn là khi hoàn thành xong công trình nhà ở sẽ thanh toán hết số tiền mua nguyên vật liệu nói trên, nhưng từ lúc hoàn thiện xong công trình nhà ở, ông M, bà H vẫn không chịu trả số tiền mua nguyên vật liệu nói trên cho tôi.

Vào ngày 16/10/2020 sau nhiều lần liên hệ với ông M, bà H để đề nghị thanh toán số tiền là 21.208.000 đồng nhưng ông M, bà H không trả được nên chúng tôi thống nhất với nhau lập một bản xác nhận công nợ với nội dung ông M

bà H đang còn nợ tôi số tiền nói trên và sẽ chịu mức lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi quá hạn là 20%/năm và hẹn trả là ngày 30/01/2021.

Đến hạn ông M, bà H vẫn chưa trả cho tôi, nên tôi đã áp dụng mức lãi suất quá hạn để tính lãi, cụ thể đến ngày 31/01/2023 ông M, bà H đang còn nợ là 21.208.000 đồng tiền nợ gốc và 9.191.000 đồng nợ lãi.

Vào ngày 02/02/2023 tôi có đến nhà ông M, bà H đề nghị thanh toán hết số tiền nợ ở trên cho tôi và ông M đã trả được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 20.399.000 đồng, ông M, bà H không muốn trả nữa.

Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà H trả cho tôi số tiền 20.399.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/02/2023 cho đến khi trả xong nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Năm 2014 tôi có mua vật liệu xây dựng nhà của ông Nguyễn Trọng Kh với số tiền khoảng 170.000.000 đồng, từ năm 2014 đến 2020 ông Kh có đưa giấy xác định công nợ vào nhà tôi và có ghi số nợ là 21.208.000 đồng, trong lúc tôi không ở nhà thì vợ tôi có ký tên vào giấy xác nhận nợ, theo tôi thì từ năm 2014 đến nay tôi đã trả hết còn số tiền mà ông Kh đưa cho gia đình tôi là tiền lãi mẹ đẻ lãi con... nhưng ông Kh tính lãi không rõ ràng nên tôi chưa thể thỏa thuận đến ngày 02/2/2023 thì ông Kh và tôi có ngồi lại trao đổi hai bên đồng ý nhất trí để gia đình tôi trả số tiền 21.208.000 đồng nhưng ngày đó trong nhà tôi chỉ còn được 10.000.000 đồng nên tôi đã trả cho ông và khất ông sang ngày mai trả nhưng ông không chịu, cách đến 4, 5 ngày sau, ông Kh vào nhà thì ông lại đưa một tờ giấy khác ghi là gia đình tôi nợ 16.932.000 đồng, tiếp tục khoảng 4, 5 ngày sau nữa lại đưa một tờ hóa đơn ghi là gia đình tôi nợ 20.399.000 đồng, trong lúc đó ngày 02/2/2023 gia đình tôi đã trả 10.000.000 đồng.

Hiện nay chúng tôi xác định chỉ còn nợ ông Nguyễn Trọng Kh số tiền 16.932.000 đồng theo nội dung được ghi ở mặt phía sau Biên bản xác nhận công nợ đề ngày 16/10/2020 do chính ông Nguyễn Trọng Kh ghi. Chúng tôi không nhất trí và không ký vào biên bản với mức lãi suất 20%/năm nên chúng tôi không đồng ý với mức lãi suất 20% mà ông Kh đưa ra.

Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông M, bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 20.433.000 đồng nợ gốc và tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 03/02/2023 với mức lãi suất 20%/năm cho đến khi trả xong nợ; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 195; Điều 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng Kh số tiền gốc 20.433.000đ và lãi suất theo quy định.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện CM. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lý nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án:

Giữa ông Nguyễn Trọng Kh và vợ chồng ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H có giao dịch mua bán vật tư xây dựng. Vào ngày 16/10/2020 sau khi thanh toán với nhau thì vợ chồng ông M, bà H còn nợ ông Kh số tiền 21.208.000 đồng, thể hiện bằng bản xác nhận công nợ với nội dung tính đến ngày 16/10/2020 bên mua còn nợ cửa hàng HV số tiền 21.208.000 đồng, hạn trả đến 30/01/2021 và sẽ chịu mức lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi quá hạn là 20%/năm.

Đến hạn (ngày 30/01/2021) ông M, bà H không thực hiện theo thỏa thuận nên ông Kh đã tính lãi suất quá hạn với mức 20%/năm. Ngày 02/02/2023 ông M, bà H đã trả cho ông Kh được số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi suất, ngoài ra chưa trả thêm khoản nào khác.

Ông M, bà H cho rằng đây do ông Kh tính lãi phát sinh không rõ ràng, tính theo lãi mẹ đẻ lãi con, lãi con đẻ lãi cháu nên không đồng ý và chỉ thừa nhận còn nợ ông Kh đến ngày 02/02/2023 với số tiền 16.932.000đ. Tuy nhiên ông bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, mặt khác, bà H thừa nhận bản xác nhận công

nợ ngày 16/10/2020 bên mua còn nợ lại của cửa hàng HV số tiền 21.208.000 đồng và hẹn đến 30/01/2021 là do bà ký nhưng hiện nay bà không có khả năng trả nợ.

Như vậy, việc ông M, bà H không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua, được quy định tại Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông M, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Kh số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Tại bản xác nhận công nợ, các bên thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 12%/năm, lãi suất quá hạn 20%/năm mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lãi suất này để tính lãi suất chậm trả, cụ thể:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/10/2021 đến ngày 30/01/2021 là:

$3,5 \text{ tháng} \times 21.208.000\text{đ} \times 12\%/năm = 742.000\text{đ}$

Tiền lãi suất quá hạn từ ngày 30/01/2021 đến ngày 02/02/2023 (ngày trả nợ lần cuối) là:

$24 \text{ tháng} \times 21.208.000\text{đ} \times 20\%/năm = 8.483.000\text{đ}.$

Tổng cộng cả gốc gốc và lãi $30.433.000\text{đ} - 10.000.000\text{đ}$ (đã trả ngày 02/02/2023) = $20.433.000\text{đ}.$

Tiền lãi suất từ ngày 03/02/2023 đến ngày 31/8/2023 (ngày xét xử) là:

$6 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} \times 20.433.000\text{đ} \times 20\% = 2.349.000\text{đ}$

Như vậy, buộc ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Trọng Kh số tiền 22.782.000 đồng, trong đó gốc 20.433.000 đồng, lãi suất 2.349.000 đồng (tính đến ngày 31/8/2023).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh nên ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $22.782.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.139.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

- Ông Nguyễn Trọng Kh được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh ĐL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Kh.

Buộc ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng Kh số tiền gốc là 22.782.000 đồng, trong đó gốc 20.433.000 đồng, lãi suất 2.349.000 đồng (tính đến ngày 31/8/2023).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 1.139.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trọng Kh khoản tiền tạm ứng đã nộp là 510.000 đồng, theo biên lai số AA/2021/0013989, ngày 09/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh DL.

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Y Lợi Niê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Lợi Niê